BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
(*Kèm theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ GDĐT*)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THCS VÀ THPT NHÂN VĂN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024

THÔNG TIN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2023 – 2024

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp						
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm** (*tỷ lệ so với tổng số*)	**249**	**12**	**19**	**20**	**46**	**50**	**49**	**53**
1	Tốt		100%	89,5%	65%	93,5%	72%	85,7%	98,11%
2	Khá				5%	6,5%	18%	6,1%	1,9%
3	Đạt / Trung bình			10,5%	30%		10%	8,2%	
4	Chưa đạt / Yếu								
II	**Số học sinh chia theo học lực** (*tỷ lệ so với tổng số*)	**249**	**12**	**19**	**20**	**46**	**50**	**49**	**53**
1	Tốt / Giỏi		41,7%	26,3%	25%	28,3%	40%	77,6%	94,3%
2	Khá		58,3%	26,3%	55%	52,2%	56%	22,4%	5,7%
3	Đạt / Trung bình			47,4%	20%	19,5%	4%		
4	Chưa đạt / Yếu								
5	Kém								
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm** (*tỷ lệ so với tổng số*)	**249**	**12**	**19**	**20**	**46**	**50**	**49**	**53**
1	Lên lớp		100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
a	Học sinh xuất sắc		8,3%	5,2%	5%	/	2%	6,1%	/
b	Học sinh giỏi		16,6%	15,8%	10%	26,1%	22%	55,1%	92,5
c	Học sinh tiên tiến					46,7%			7,5%
2	Thi lại								
3	Lưu ban								

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp						
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
4	Chuyển trường đến/đi		/	7/1	4/10	5/4	/	8/10	5/14
5	Bị đuổi học								
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)								
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**								
1	Cấp huyện								
2	Cấp tỉnh/thành phố								
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế								
V	**Số học sinh dự xét và dự thi TN**	**99**				**46**			**53**
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS** (*tỷ lệ so với tổng số*)	**46**				**100%**			
1	Giỏi					26,1%			
2	Khá					46,7%			
3	Trung bình								
VII	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp THPT**	**53**							**100%**
VIII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng** (*tỷ lệ so với tổng số*)								**100%**
IX	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**		11/1	14/5	15/5	38/8	34/16	31/18	37/16
X	**Số học sinh dân tộc thiểu số**								